

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2024 ĐẾN NGÀY 30/06/2024



Tháng 8 năm 2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Hữu Tấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Yên	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tài	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 21/02/2024)
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/02/2024)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hiền	Trưởng Ban
Bà Trần Thị Thanh Thủy	Thành viên
Bà Bùi Thị Ngọc Lương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 15/04/2024)
Bà Bùi Thị Ngân Hoa	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 15/04/2024)

Kế toán trưởng

Bà Hồ Nguyễn Tú Anh	Phó Trưởng phòng Tài chính kế toán (Phụ trách kế toán từ ngày 01/05/2024)
Ông Nguyễn Huy Phương	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm từ ngày 01/05/2024)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30/06/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty trong kỳ kế toán, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc. ✓



Nguyễn Văn Thắng
Tổng Giám đốc

Cam Ranh, ngày 10 tháng 8 năm 2024

Số: 792/2024/UHY-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh (sau đây được gọi là "Công ty") được lập 10/8/2024, từ trang 05 đến trang 39 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hạn hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh tại ngày 30/06/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Hà Minh Long

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1221-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30/06/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		53.451.003.311	37.572.176.659
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	31.617.555.972	14.806.180.589
Tiền	111		12.617.555.972	9.306.180.589
Các khoản tương đương tiền	112		19.000.000.000	5.500.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	1.000.000.000	2.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.000.000.000	2.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.834.034.079	17.578.514.877
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	16.613.432.923	16.521.468.168
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.108.561.500	1.466.490.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	2.232.947.889	711.464.942
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.120.908.233)	(1.120.908.233)
Hàng tồn kho	140	V.7	659.147.827	728.421.089
Hàng tồn kho	141		659.147.827	728.421.089
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.340.265.433	2.459.060.104
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	340.265.433	312.969.989
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	1.000.000.000	2.146.090.115
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		265.312.355.886	269.962.460.369
Các khoản phải thu dài hạn	210		100.000.000	100.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	V.5	100.000.000	100.000.000
Tài sản cố định	220		261.582.802.597	265.757.502.534
Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	261.485.894.069	265.703.300.921
- Nguyên giá	222		560.853.630.596	555.334.709.126
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(299.367.736.527)	(289.631.408.205)
Tài sản cố định vô hình	227	V.9	96.908.528	54.201.613
- Nguyên giá	228		260.975.660	195.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(164.067.132)	(140.798.387)
Tài sản dở dang dài hạn	240		2.237.787.979	2.413.713.905
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	2.237.787.979	2.413.713.905
Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	1.170.000.000	1.170.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		1.170.000.000	1.170.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		221.765.310	521.243.930
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	220.909.854	520.217.383
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		855.456	1.026.547
TỔNG TÀI SẢN	270		318.763.359.197	307.534.637.028

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
Tại ngày 30/06/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		35.342.427.621	29.661.284.754
Nợ ngắn hạn	310		25.762.627.621	17.757.384.754
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	4.661.578.878	3.777.166.358
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	32.486.009	257.301.789
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	2.154.920.779	1.629.050.415
Phải trả người lao động	314		5.108.249.714	5.566.835.051
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.094.461.936	109.499.681
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	3.439.266.000	3.137.040.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	3.075.711.451	778.321.295
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	1.620.000.000	1.620.000.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.900.000.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.675.952.854	882.170.165
Nợ dài hạn	330		9.579.800.000	11.903.900.000
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.16	1.402.800.000	2.916.900.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	8.177.000.000	8.987.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		283.420.931.576	277.873.352.274
Vốn chủ sở hữu	410	V.18	283.420.931.576	277.873.352.274
Vốn góp của chủ sở hữu	411		245.018.170.000	245.018.170.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		245.018.170.000	245.018.170.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		275.419.340	275.419.340
Cổ phiếu quỹ	415		(482.000.000)	(482.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		14.520.231.962	14.511.056.165
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.863.204.144	14.128.092.360
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11.432.312.585	202.963.577
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.430.891.559	13.925.128.783
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		4.225.906.130	4.422.614.409
TỔNG NGUỒN VỐN	440		318.763.359.197	307.534.637.028

Cam Ranh, ngày 10 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu/
Phó phòng TCKT

Hồ Nguyễn Tú Anh

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
			đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	85.922.087.285	68.592.535.860
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		85.922.087.285	68.592.535.860
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	62.673.950.369	48.309.471.246
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23.248.136.916	20.283.064.614
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	785.208.696	430.300.739
Chi phí tài chính	22	VI.4	405.047.284	444.560.271
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		405.047.284	444.560.271
Chi phí bán hàng	25	VI.5	138.168.822	136.368.822
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	13.125.236.769	10.979.732.166
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.364.892.737	9.152.704.094
Thu nhập khác	31	VI.8	453.444.445	49.986.740
Chi phí khác	32	VI.9	7.094.929	2.209.426
Lợi nhuận khác	40		446.349.516	47.777.314
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.811.242.253	9.200.481.408
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	2.144.858.657	1.703.224.657
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11	171.091	171.091
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.666.212.505	7.497.085.660
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		8.430.891.559	7.035.892.328
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		235.320.946	461.193.332
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	238	288
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	238	288

Cam Ranh, ngày 10 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu/
Phó phòng TCKT

Hồ Nguyễn Tú Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thắng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
		đến 30/06/2024 VND	đến 30/06/2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	10.811.242.253	9.200.481.408
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ, Bất động sản đầu tư	02	10.893.296.063	10.689.220.079
Các khoản dự phòng	03	1.900.000.000	-
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(1.229.653.141)	(459.438.164)
Chi phí lãi vay	06	405.047.284	444.560.271
Các điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	22.779.932.459	19.874.823.594
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09	(208.171.731)	14.932.502.319
Giảm hàng tồn kho	10	69.273.262	6.209.302
(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(993.776.006)	(25.874.641.186)
(Tăng) chi phí trả trước	12	272.012.085	744.630.121
Tiền lãi vay đã trả	14	(405.047.284)	(444.560.271)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.162.223.934)	(1.942.332.277)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	(20.000.000)	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(147.303.600)	(184.190.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	19.184.695.251	7.112.441.602
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.421.825.320)	(1.221.481.481)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	444.444.445	260.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(2.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.000.000.000	3.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	757.937.463	418.451.424
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.219.443.412)	456.969.943

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
			đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		-	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(810.000.000)	(810.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(343.876.456)	(311.285.666)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.153.876.456)	(1.121.285.666)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		16.811.375.383	6.448.125.879
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	14.806.180.589	5.151.661.667
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	31.617.555.972	11.599.787.546

Cam Ranh, ngày 10 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu/
Phó phòng TCKT

Hồ Nguyễn Tú Anh

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Thắng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh, (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cam Ranh - Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 38/QĐ-HHVN ngày 28/01/2015 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200272350, đăng ký lần đầu ngày 01/04/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 08/05/2023.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, tổ dân phố Đá Bạc, phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 245.018.170.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 245.018.170.000 đồng; tương đương 24.501.817 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty và Công ty con tại ngày 30/06/2024 là 193 người (tại ngày 31/12/2023 là 197 người).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực khai thác Cảng biển.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Bốc xếp hàng hóa.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Kinh doanh dịch vụ logistic;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa, đường bộ khác, ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, ven biển và viễn dương, đường thủy nội địa;
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển, dịch vụ khai thuế hải quan.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024:

- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh
- Địa chỉ: 29 Nguyễn Trọng Kỳ, phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa
- Vốn điều lệ: 7.000.000.000 VND (Tỷ lệ lợi ích, quyền biểu quyết của Công ty là 51%).

Hoạt động kinh doanh chính: Bốc xếp hàng hóa, kinh doanh kho bãi, dịch vụ vận chuyển hàng hóa, dịch vụ hàng hải.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/12/2023 và hoàn toàn có thể so sánh được.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (Thông tư số 200) và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 (Thông tư số 53) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính (Thông tư số 202) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200 và Thông tư số 53, Thông tư số 202, các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của Công ty con do Công ty kiểm soát được lập cho cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính của Công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của Công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và Công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (tiếp)

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ và trong tài sản thuần của Công ty con.

2. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm tài chính và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

3. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

5. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, giá trị các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất khoản các khoản đầu tư được lập khi Công ty bên nhận đầu tư bị lỗ, căn cứ Báo cáo tài chính bên nhận đầu tư tại thời điểm trích dự phòng.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tại ngày 30/06/2024, Công ty không có hàng tồn kho phải trích lập dự phòng giảm giá.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

8. Tài sản cố định hữu hình (tiếp)

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 39
- Máy móc, thiết bị	04 - 13
- Phương tiện vận tải	02 - 09
- Thiết bị văn phòng	02 - 06
- Phần mềm quản lý	05

Công ty ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03-Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

9. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính: giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng; các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

11. Chi phí trả trước (tiếp)

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước là giá trị thương hiệu được phân bổ tối đa 10 năm.

Các khoản chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng hoặc theo thời hạn mua.

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Đối với BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát, các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán chi tiết trên cùng hệ thống sổ kế toán của mình để ghi chép và phản ánh trong báo cáo tài chính riêng của mình những nội dung sau:

- Phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất tài sản;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của mỗi bên tham gia góp vốn liên doanh;
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Đối với tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào BCC và không chuyển quyền sở hữu từ bên góp vốn thành sở hữu chung của các bên thì bên nhận tài sản theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh; bên góp tài sản không ghi giảm tài sản trên sổ kế toán mà chỉ theo dõi chi tiết địa điểm, vị trí, nơi đặt tài sản.

Đối với tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn có sự chuyển quyền sở hữu từ bên góp vốn thành quyền sở hữu chung, trong quá trình đang xây dựng tài sản đồng kiểm soát, bên mang tài sản đi góp phải ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng, căn cứ giá trị tài sản được chia, các bên ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của tài sản được chia so với chi phí đầu tư xây dựng đã bỏ ra được ghi nhận là thu nhập khác (nếu lãi) hoặc chi phí khác (nếu lỗ).

Khi tài sản đồng kiểm soát đi vào hoạt động, BCC chuyển sang hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát, mỗi bên tham gia liên doanh được nhận sản phẩm hoặc doanh thu từ việc sử dụng và khai thác tài sản đồng kiểm soát và chịu một phần chi phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

13. Nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

14. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong năm tài chính, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh, phù hợp doanh thu phát sinh trong năm tài chính. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh, số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

15. Vay và chi phí đi vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của khoản vay.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính khi phát sinh.

16. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

17. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và phải xử lý ghi giảm vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều 36 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, trừ các trường hợp được pháp luật cho phép bán ra ngay sau khi mua lại hoặc xử lý số cổ phiếu đã mua trước ngày 01/01/2021.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

18. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh của giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên cơ sở thời gian, lãi suất thực tế từng kỳ và thông báo hàng kỳ của ngân hàng; lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

19. Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế giá trị gia tăng theo hướng dẫn của luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp cho cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, các nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

21. Bên liên quan (tiếp)

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

22. Báo cáo bộ phận

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác cảng biển chủ yếu diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	655.167.217	1.284.449.657
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.962.388.755	8.021.730.932
Các khoản tương đương tiền (*)	19.000.000.000	5.500.000.000
Cộng	31.617.555.972	14.806.180.589

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại, lãi suất từ 1,8%/năm đến 4,2%/năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

2. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.000.000.000	1.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng (*)	1.000.000.000	1.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Tổng	1.000.000.000	1.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại các Ngân hàng thương mại, lãi suất từ 4,75%/năm đến 5,1%/năm

b. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Đầu tư vào đơn vị khác	1.170.000.000	-	(*)	1.170.000.000	-	(*)
<i>Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh</i>	<i>1.170.000.000</i>		(*)	<i>1.170.000.000</i>		(*)
Cộng	1.170.000.000	-	-	1.170.000.000	-	-

Thông tin về Công ty đầu tư tại ngày 30/06/2024:

Tên Công ty đầu tư	Nơi Thành lập hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Đầu tư vào đơn vị khác				
<i>Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh</i>	<i>Thành phố Cam Ranh</i>	<i>6,50%</i>	<i>6,50%</i>	<i>Khai thác, xử lý và cung cấp nước, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.</i>

Khoản đầu tư khác vào Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh với số lượng cổ phiếu nắm giữ tại ngày 30/06/2024 là 337.662 cổ phiếu, trong đó 103.662 cổ phiếu do Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh chia cổ tức bằng cổ phiếu, 117.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh phát hành cổ phiếu thưởng tăng vốn điều lệ. Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu mà không ghi tăng giá trị theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp.

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Công ty TNHH Đá Hòa An 1	5.704.677.449	5.139.266.742
- Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Đại Dương	563.600.626	563.600.626
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Nha Trang	-	574.789.841
- Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa	347.656.124	347.656.124
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Khánh Hưng	4.737.600	3.687.474.000
- Công ty TNHH đầu tư xây dựng DACINCO	2.955.728.199	1.887.934.183
- Công ty Cổ phần Cảng Quốc Tế Nam Vân Phong	1.024.851.346	898.810.036
- Công ty TNHH TM DV XD Vận Tải Đại Lộc	259.000.000	389.000.000
- Công ty TNHH Hồng Phát Bình Thuận	161.133.300	300.130.272
- Công ty TNHH Chế biến Dăm gỗ Đại Thắng	1.792.673.140	-
- Các đối tượng khác	3.799.375.139	2.732.806.344
Cộng	16.613.432.923	16.521.468.168
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	574.789.841
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Nha Trang	-	574.789.841

4. Trả trước cho người bán

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	1.108.561.500	1.466.490.000
- Công ty CP Tư vấn Đầu tư xây dựng Phúc Anh	418.800.000	-
- Công ty TNHH MTV Nha Trang Tourist	262.960.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công Nghệ INTECOM	200.000.000	200.000.000
- Công ty TNHH Đông Đô	-	930.000.000
- Các đối tượng khác	226.801.500	336.490.000
Cộng	1.108.561.500	1.466.490.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

5. Phải thu khác

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	2.232.947.889	-	711.464.942	-
- Tạm ứng	888.700.000	-	214.500.000	-
- Phân chia chi phí Cầu Gottwald	1.098.128.856	-	55.118.570	-
- Phải thu khác	246.119.033	-	441.846.372	-
Dài hạn	100.000.000	-	100.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ	100.000.000	-	100.000.000	-
Cộng	2.332.947.889	-	811.464.942	-

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	30/06/2024		Thời gian quá hạn	01/01/2024	
		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán						
- Công ty Cổ phần Khoáng sản và dầu tu Khánh Hòa	Trên 3 năm	347.656.124	-	Trên 3 năm	347.656.124	-
- Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Đại Dương	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	563.600.626	281.800.313	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	563.600.626	281.800.313
- Công ty Cổ phần Xây dựng và ứng dụng Công nghệ Mới	Trên 3 năm	113.319.150	-	Trên 3 năm	113.319.150	-
- Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Hải Gia	Trên 3 năm	99.453.843	-	Trên 3 năm	99.453.843	-
- Các đối tượng khác	Từ 2 năm trở lên	300.809.573	22.130.770	Từ 2 năm trở lên	300.809.573	22.130.770
Cộng	-	1.424.839.316	303.931.083	-	1.424.839.316	303.931.083

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

7. Hàng tồn kho

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	315.604.196	-	263.018.340	-
- Công cụ, dụng cụ	136.007.663	-	157.677.296	-
- Hàng hóa	207.535.968	-	307.725.453	-
Cộng	659.147.827	-	728.421.089	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị (*)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2024	473.555.248.901	55.160.034.166	24.388.047.018	2.231.379.041	555.334.709.126
- Mua trong kỳ	-	1.826.590.400	-	-	1.826.590.400
- Đầu tư Xây dựng cơ bản hoàn thành	4.628.703.705	-	-	198.181.818	4.826.885.523
- Thanh lý, nhượng bán	(257.409.000)	(591.690.908)	(285.454.545)	-	(1.134.554.453)
30/06/2024	477.926.543.606	56.394.933.658	24.102.592.473	2.429.560.859	560.853.630.596
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2024	(242.779.123.431)	(28.590.804.387)	(16.709.303.939)	(1.552.176.448)	(289.631.408.205)
- Khấu hao trong kỳ	(7.824.386.598)	(2.147.838.816)	(798.343.921)	(100.313.440)	(10.870.882.775)
- Thanh lý, nhượng bán	257.409.000	591.690.908	285.454.545	-	1.134.554.453
30/06/2024	(250.346.101.029)	(30.146.952.295)	(17.222.193.315)	(1.652.489.888)	(299.367.736.527)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2024	230.776.125.470	26.569.229.779	7.678.743.079	679.202.593	265.703.300.921
30/06/2024	227.580.442.577	26.247.981.363	6.880.399.158	777.070.971	261.485.894.069

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 25.853.603.923 đồng (Tại 31/12/2023 là: 21.898.197.198 đồng).
Giá trị còn lại TSCĐ cầm cố, thế chấp tại ngày 30/06/2024 là: 14.926.445.571 đồng.

(*) Bao gồm thiết bị “Cầu bờ di động nhãn hiệu Gottward – Model HMK 280 (đã qua sử dụng)” là tài sản hình thành từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) với Công ty Cổ phần Hàng hải Quảng Hưng theo hình thức tài sản đồng kiểm soát. Công ty góp 40% giá trị tài sản bằng tiền tương ứng 7.000.000.000 VND, Công ty Cổ phần Hàng hải Quảng Hưng góp 60% giá trị tài sản tương ứng 10.500.000.000 VND. Các bên tham gia hợp đồng hợp tác thực hiện phân chia doanh thu và chi phí tương ứng với tỷ lệ góp vốn. Nguyên giá của tài sản cố định trên được ghi nhận tương ứng với phần vốn đã góp bằng tiền của Công ty là 7.000.000.000 VND, trong năm 2022 sửa chữa lớn nguyên giá tăng lên là: 8.666.652.766 đồng, hao mòn lũy kế đến ngày 30/06/2024 là: 5.326.135.195 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2024	195.000.000	195.000.000
- Mua trong kỳ	65.975.660	65.975.660
30/06/2024	260.975.660	260.975.660
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2024	(140.798.387)	(140.798.387)
- Khấu hao trong kỳ	(23.268.745)	(23.268.745)
30/06/2024	(164.067.132)	(164.067.132)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2024	54.201.613	54.201.613
30/06/2024	96.908.528	96.908.528

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2024	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	30/06/2024
	VND	VND	VND	VND	VND
Dự án Nâng cao năng lực khai thác cầu cảng (*)	2.224.825.016	12.962.963	-	-	2.237.787.979
Dự án Nền bãi phía Tây Cảng Cam Ranh: Bãi số 5	188.888.889	4.439.814.816	4.628.703.705	-	-
Phần mềm quản lý kinh doanh xăng dầu	-	65.975.660	65.975.660	-	-
Cộng	2.413.713.905	4.518.753.439	4.694.679.365	-	2.237.787.979

(*) Dự án “Đầu tư nâng cao năng lực khai thác cầu cảng Ba Ngòi” với các thông tin cơ bản như sau:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh;
- Tổng mức đầu tư dự kiến: 28.049.378.000 đồng;
- Địa điểm thực hiện: Cảng Ba Ngòi, Phường Cam linh, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa;
- Mục tiêu: Nâng cao khả năng vận tải hàng hóa từ cầu cảng tới kho bãi và ngược lại; tiếp nhận tàu tổng hợp trọng tải đến 50.000 DWT đầy tải, tàu 70.000 DWT giảm tải, tàu khách 70.000 GT;
- Cơ cấu nguồn vốn: 70% vốn chủ sở hữu, 30% vốn vay;
- Tại thời điểm 30/06/2024, dự án đã thực hiện xong Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án, lập hồ sơ mời thầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

11. Chi phí trả trước

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	340.265.433	312.969.989
- Chi phí bảo hiểm hàng năm của tài sản	219.796.942	107.271.709
- Các khoản khác	120.468.491	205.698.280
Dài hạn	220.909.854	520.217.383
- Giá trị của lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa	10.036.036	15.054.436
- Chi phí sửa chữa lớn	64.450.000	211.207.009
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	70.453.336	242.485.747
- Các khoản khác	75.970.482	51.470.191
Cộng	561.175.287	833.187.372

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

12. Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2024		Trong kỳ		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	1.620.000.000	1.620.000.000	810.000.000	810.000.000	1.620.000.000	1.620.000.000
- <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>1.620.000.000</i>	<i>1.620.000.000</i>	<i>810.000.000</i>	<i>810.000.000</i>	<i>1.620.000.000</i>	<i>1.620.000.000</i>
Quỹ đầu tư phát triển Khánh Hòa (*)	1.620.000.000	1.620.000.000	810.000.000	810.000.000	1.620.000.000	1.620.000.000
b) Vay dài hạn	8.177.000.000	8.177.000.000	-	810.000.000	8.987.000.000	8.987.000.000
- Quỹ đầu tư phát triển Khánh Hòa (*)	8.177.000.000	8.177.000.000	-	810.000.000	8.987.000.000	8.987.000.000
Cộng	9.797.000.000	9.797.000.000	810.000.000	1.620.000.000	10.607.000.000	10.607.000.000

(*) Khoản vay của Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa theo Hợp đồng tín dụng 14/2022/HĐTD-ĐTPT ngày 09/08/2022 với hạn mức tín dụng là 12.960.000.000 đồng, số tiền vay đến ngày 30/06/2024 là 9.797.000.000 đồng với lãi suất cho vay là 7,9%/năm. Mục đích vay là đầu tư mua sắm Cầu di động - sức nâng 180 tấn nhằm nâng cao năng lực khai thác Cảng Cam Ranh. Tài sản thế chấp là tài sản của Công ty và tài sản được hình thành bằng vốn vay theo hợp đồng đảm bảo tiền vay và các hình thức bảo đảm khác phù hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

13. Phải trả người bán

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	4.661.578.878	4.661.578.878	3.777.166.358	3.777.166.358
- Công ty Cổ phần dịch vụ Biển Tân Cảng	737.640.000	737.640.000	849.420.000	849.420.000
- Công ty TNHH Cơ khí Thương mại dịch vụ Hàng hải Sơn Tùng	-	-	1.347.000.000	1.347.000.000
- Công ty TNHH Đông Đô	1.906.200.000	1.906.200.000	-	-
- Công ty TNHH Liên doanh nguyên liệu giấy Cát Phú	247.404.802	247.404.802	444.922.870	444.922.870
- Công ty TNHH dịch vụ hàng hải Loan Anh	702.086.400	702.086.400	-	-
- Công ty TNHH An Phú Hải	-	-	108.618.948	108.618.948
- Các đối tượng khác	1.068.247.676	1.068.247.676	1.027.204.540	1.027.204.540
Cộng	4.661.578.878	4.661.578.878	3.777.166.358	3.777.166.358

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng	408.739.634	2.959.668.922	2.447.712.327	920.696.229
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.217.365.277	2.144.858.657	2.162.223.934	1.200.000.000
- Thuế thu nhập cá nhân	2.945.504	29.033.702	9.694.656	22.284.550
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.186.912.978	1.186.912.978	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	50.119.500	38.179.500	11.940.000
Cộng	1.629.050.415	6.370.593.759	5.844.723.395	2.154.920.779
	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.028.231.660	2.276.419.578	1.248.187.918	1.000.000.000
- Thuế thu nhập cá nhân	117.858.455	117.858.455	-	-
Cộng	2.146.090.115	2.394.278.033	1.248.187.918	1.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Công ty CP Khai Hoàn Giang	9.000.000	-
- Công ty Cổ phần Hàng hải An Bình	-	22.261.851
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Hòa Phát	-	130.508.712
- Công ty Cổ phần ICD Cam Ranh	-	75.870.292
- Các đối tượng khác	23.486.009	28.660.934
Cộng	32.486.009	257.301.789

16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	3.439.266.000	3.137.040.000
Doanh thu nhận trước từ cho thuê kho bãi	3.439.266.000	3.137.040.000
Dài hạn	1.402.800.000	2.916.900.000
Doanh thu nhận trước từ cho thuê kho bãi	1.402.800.000	2.916.900.000
	4.842.066.000	6.053.940.000

17. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Kinh phí Công đoàn	175.049.580	164.394.580
- Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	44.000.000	40.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.856.661.871	573.926.715
+ Công ty Cổ phần Hàng hải Quảng Hưng	2.838.261.871	563.926.715
+ Phải trả phải nộp khác	18.400.000	10.000.000
Cộng	3.075.711.451	778.321.295

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2023	245.018.170.000	275.419.340	(482.000.000)	14.511.086.824	15.970.555.546	4.277.757.641	279.570.989.351
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	13.925.128.783	440.846.148	14.365.974.931
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(13.418.326.341)	(283.071.000)	(13.701.397.341)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(2.196.000.000)	-	(2.196.000.000)
- Trích lập quỹ thưởng ban điều hành Công ty	-	-	-	-	(138.000.000)	(12.987.561)	(150.987.561)
- Tặng/Giảm khác	-	-	-	(30.659)	(15.265.628)	69.181	(15.227.106)
31/12/2023	245.018.170.000	275.419.340	(482.000.000)	14.511.056.165	14.128.092.360	4.422.614.409	277.873.352.274
01/01/2024	245.018.170.000	275.419.340	(482.000.000)	14.511.056.165	14.128.092.360	4.422.614.409	277.873.352.274
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	8.430.891.559	235.320.946	8.666.212.505
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(343.021.000)	(343.021.000)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	9.176.287	(9.176.287)	-	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(2.529.233.299)	(70.531.463)	(2.599.764.762)
- Trích lập quỹ thưởng ban điều hành Công ty	-	-	-	-	(155.662.779)	(18.473.749)	(174.136.528)
- Tặng/Giảm khác	-	-	-	(490)	(1.707.409)	(3.013)	(1.710.913)
30/06/2024	245.018.170.000	275.419.340	(482.000.000)	14.520.231.962	19.863.204.144	4.225.906.130	283.420.931.576

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-CCR.ĐHCĐ ngày 15/04/2024.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 36/2024/NQ-ĐHĐCĐ-CMS ngày 25/04/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

18. Vốn chủ sở hữu (tiếp)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2024		01/01/2024	
	Số tiền góp vốn	Tỷ lệ	Số tiền góp vốn	Tỷ lệ
	VND	vốn góp %	VND	vốn góp %
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	198.230.150.000	80,90%	198.230.150.000	80,90%
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	34.971.020.000	14,27%	34.971.020.000	14,27%
- Các cổ đông khác	11.817.000.000	4,82%	11.817.000.000	4,82%
Cộng	245.018.170.000	100%	245.018.170.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	245.018.170.000	245.018.170.000
+ Vốn góp cuối kỳ	245.018.170.000	245.018.170.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.592.258.000	-

d. Cổ phiếu

	30/06/2024	01/01/2024
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.501.817	24.501.817
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.501.817	24.501.817
+ Cổ phiếu phổ thông	24.501.817	24.501.817
Số lượng cổ phiếu được mua lại	48.200	48.200
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.453.617	24.453.617
+ Cổ phiếu phổ thông	24.453.617	24.453.617
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ của Công ty

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	14.520.231.962	14.511.056.165
	14.520.231.962	14.511.056.165

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa với Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa để sử dụng với mục đích xây dựng bến cảng xếp dỡ hàng hóa và làm trụ sở Công ty với tổng diện tích đất thuê là 252.364 m², thời hạn thuê đất từ 16 năm đến 40 năm. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Ngoài ra, Công ty đang quản lý và sử dụng lô đất trên đường Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, Thành phố Cam Ranh tỉnh Khánh Hòa, có diện tích 797,5 m² với mục đích xây dựng Trung tâm dịch vụ Hàng hải. Lô đất này hiện chưa ký hợp đồng thuê đất do UBND Tỉnh yêu cầu lập dự án đầu tư phù hợp với quy hoạch để UBND Tỉnh có cơ sở xem xét việc giao đất và cho thuê đất theo quy định.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Doanh thu bán hàng	22.413.624.248	17.030.419.675
Doanh thu cung cấp dịch vụ	63.508.463.037	51.562.116.185
Cộng	85.922.087.285	68.592.535.860

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Nha Trang (Cùng Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam) như sau:

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.469.114.850	-
Cộng	3.469.114.850	-

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	21.516.691.143	16.172.119.158
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	41.157.259.226	32.137.352.088
Cộng	62.673.950.369	48.309.471.246

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	131.486.368	37.752.264
Cổ tức, lợi nhuận được chia	653.722.328	392.548.475
Cộng	785.208.696	430.300.739

4. Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Chi phí lãi vay	405.047.284	444.560.271
Cộng	405.047.284	444.560.271

5. Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Chi phí nhân viên	24.768.822	24.768.822
Chi phí khấu hao tài sản cố định	110.400.000	110.400.000
Chi phí bằng tiền khác	3.000.000	1.200.000
Cộng	138.168.822	136.368.822

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	125.086.393	161.270.117
Chi phí nhân công	8.113.230.099	6.273.126.920
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	229.257.714	128.227.050
Chi phí khấu hao TSCĐ	539.853.046	593.790.599
Thuế, phí, lệ phí	435.046.128	555.609.402
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.880.748.806	1.800.177.617
Chi phí bằng tiền khác	1.802.014.583	1.467.530.461
Cộng	13.125.236.769	10.979.732.166

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu	2.978.225.667	3.194.110.213
Chi phí nhân công	22.029.983.664	16.225.434.913
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	229.120.306	718.385.689
Khấu hao tài sản cố định	10.891.585.150	10.687.509.166
Thuế, phí và lệ phí	2.226.472.702	1.290.412.978
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.152.279.513	9.523.803.116
Chi phí bằng tiền khác	1.912.142.358	1.613.797.001
Cộng	54.419.809.360	43.253.453.076

8. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Thù lao HĐQT và BKS	9.000.000	9.000.000
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ (*)	444.444.445	40.986.740
Cộng	453.444.445	49.986.740

(*) Phần chênh lệch giữa khoản thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ cao hơn giá trị còn lại của TSCĐ và chi phí thanh lý.

9. Chi phí khác

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Các khoản tiền phạt thuế và bảo hiểm	7.061.929	2.132.426
Các khoản chi phí khác	33.000	77.000
Cộng	7.094.929	2.209.426

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh	2.054.858.657	1.604.858.657
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh	90.000.000	98.366.000
Cộng	2.144.858.657	1.703.224.657

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
- Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản Thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	855.456	1.026.547
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	855.456	1.026.547

b. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	171.091	171.091
Cộng	171.091	171.091

12. Lãi trên cổ phiếu

a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.430.891.559	7.035.892.328
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(2.599.764.762)	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.831.126.797	7.035.892.328
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	24.453.617	24.453.617
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	238	288

b. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu. Do đó, Công ty không xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hoặc công bố trên báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các Bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

Đối tượng	Mối quan hệ
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam – CTCP	Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Công trình Hàng hải	Cùng Công ty mẹ
- Ban Quản lý dự án chuyên ngành Hàng hải VIMC	Cùng Công ty mẹ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại Lý Hàng Hải Việt Nam – Đại lý Hàng hải Nha Trang	Cùng Công ty mẹ

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

		Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
		VND	VND
Thu nhập của các thành viên chủ chốt		965.964.000	663.690.300
- Thu nhập và thù lao của Tổng Giám đốc		281.120.000	465.690.300
- Thu nhập và thù lao của các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị		606.844.000	120.000.000
Ông Phạm Hữu Tấn	Chủ tịch HĐQT	307.040.000	-
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ 01/12/2024)	19.195.000	-
Ông Trịnh Thanh Tùng	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ 21/02/2024)	190.609.000	-
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ 21/04/2023)	-	10.000.000
Ông Nguyễn Việt Nhâm	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ 21/04/2023)	-	20.000.000
Ông Nguyễn Văn Tài	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Yến	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
- Thu nhập và thù lao của Ban kiểm soát		78.000.000	78.000.000
Bà Nguyễn Thị Hiền	Trưởng ban kiểm soát (Bổ nhiệm từ 21/04/2023)	30.000.000	10.000.000
Bà Dương Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban kiểm soát (Miễn nhiệm từ 21/04/2023)	-	20.000.000
Bà Bùi Thị Ngọc Lương	Thành viên BKS (Bổ nhiệm từ 15/04/2024)	8.000.000	-
Bà Bùi Thị Ngân Hoa	Thành viên BKS (Miễn nhiệm từ 15/04/2024)	16.000.000	24.000.000
Bà Trần Thị Thanh Thủy	Thành viên BKS	24.000.000	24.000.000

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch và số dư với các bên liên quan khác ngoại trừ số dư với bên liên quan thuyết minh tại mục V.3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 đã được soát xét, số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán.

Cam Ranh, ngày 10 tháng 8 năm 2024

**Người lập biểu/
Phó phòng TCKT**

Hồ Nguyễn Tú Anh

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Thắng